**TRÍCH DẪN HAY:**

1. “Tôi đã khóc vì không có giày để đi cho đến khi tôi nhìn thấy một người không có chân để đi giày.” – Nữ nhà văn Mĩ Helen Keller

2. “Đời phải trải qua những giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố.” - Trích “Nhật ký Đặng Thùy Trâm”

3. “Lí tưởng là ngọn đèn chỉ đường. Không có lí luận thì không có phương hướng kiên định, mà không có hướng thì không có cuộc sống.” - Tiểu thuyết gia Lev Tolstoy

4. “Một người đã đánh mất niềm tin vào bản thân thì chắc chắn sẽ còn đánh mất nhiều thứ quý giá khác nữa.” - Trích từ cuốn sách “Dám thành công”

5. “Phải chăng cái chết không phải là mất mát lớn nhất trong cuộc đời. Sự mất mát lớn nhất là đề tâm hồn bạn lụi ngay cả khi còn sống?” - No-man Ku-sin

6. Macxim Gorki: “Nơi lạnh nhất thế giới không phải Bắc Cực mà là nơi không tình thương.”

7. “Những việc lớn được tạo thành từ những việc nhỏ.” - Lão Tử

8. Nhà bác học Albert Einstein đã từng nói: “Thế giới sẽ bị hủy diệt không phải bởi những người làm điều ác mà bởi những người đứng nhìn mà không làm gì cả.”

9. “Hãy quay về phía Mặt trời và bạn sẽ không thấy bóng tối” - Helen Keller.

10. “Sống cuộc đời theo mong muốn của người khác là lãng phí cuộc đời của bạn” - Steve Jobs

11. “Bạn không cần phải nhìn thấy toàn bộ cầu thang, chỉ cần đi bước đầu tiên.” - Martin Luther King

12. “Động lực là những gì giúp bạn bắt đầu. Thói quen là những gì giúp bạn tiếp tục.” - Jim Rohn

13. “Bạn có thể trì hoãn, nhưng thời gian thì không.” – Benjamin Franklin

14. “Đừng cảm thấy tiếc vì bụi hoa hồng có gai, mà hãy vui vì trong bụi có gai có hoa hồng.” - Abraham Lincoln

15. “Bạn sẽ khám phá ra chính mình ở một bậc cao hơn sau mỗi lần vượt qua nghịch cảnh.” - Thomas Edison

16. “Con người cần ít nhất một ước mơ, một lý do để kiên cường. Nếu trong tim không có chốn dừng chân, vậy đi đâu cũng là lạc lối.” - Trích phim Mùa hè của Luca

**MỞ ĐOẠN:**

1. Những cánh hoa bồ công anh một ngày nào đó cũng theo làn gió mà tạm biệt thân hoa để tản ra khắp bốn phương trời. Thế hệ trẻ cũng vậy, đến một ngày nào đó họ cần (...)
2. Nhà văn Mark Twain có viết: “Hai mươi năm sau bạn sẽ hối hận về những gì bạn không làm hơn là những gì bạn làm.” Sông vẫn cứ chảy, mây vẫn cứ hoài trôi và con người vẫn cứ mãi hài lòng với những thứ giản đơn cũng quanh. Liệu rằng đó có là một cuộc sống ý nghĩa? Bởi vậy chúng ta luôn cần có (...)
3. Như con tằm tự phong bế trong chiếc kén, con người thường sợ thế giới hạch sách, trốn chạy thử thách, chỉ dám thu mình vào “ao đời phẳng lặng” mà quên đi ý nghĩa của việc (…)
4. Cuộc sống là những mảnh ghép muôn màu, bên cạnh màu đen u ám là màu trắng tinh khôi, bên cạnh màu đỏ rực rỡ là màu xanh dịu mát, và chúng ta chính là những mảnh ghép mang cá tính riêng biệt để góp phần tạo nên thế giới này. Cũng bởi lẽ vậy mà bản thân mỗi người cần phải hiểu rõ tầm quan trọng của việc (…)

**KẾT ĐOẠN:**

1. Thần linh đã ban cho con người món quà vô giá đó là đôi bàn tay biết lao động, đôi bàn chân biết đi không mỏi mệt giữa mặt đất này, một trí tuệ vô hạn, và đặc biệt hơn cả: (...)! Vậy hà cớ chi mà bạn vẫn mãi quẩn quanh với những nhỏ bé, tầm thường?
2. Bởi lẽ sinh mệnh con người có hạn kỳ, dù là cây đại thụ hay ngọn cỏ ven đường đều phải tuân theo quy luật: “không vươn thì sẽ héo”. Và liệu rằng bạn đang “sống” hay đang “tồn tại” khi (…)
3. Và nếu một ngày bạn (...), hãy nhớ rằng cây xoài trở nên mạnh mẽ khi sống ngược gió, kim cương được hình thành dưới áp lực của nhiệt độ và áp suất. Bởi vậy, đừng để thất bại khiến ta mềm yếu và mất dần miễn dịch với thử thách.
4. Chanh chẳng thể xin cho mình vị ngọt, muối chẳng thể xin cho mình vị cay, đường chẳng thể xin cho mình vị đắng,… bởi lẽ vạn vật đều có cho mình những màu sắc, tính chất khác nhau, thay vì trộn lẫn, sao bạn không thử tạo ra giá trị cho riêng mình? Và hãy nhớ rằng: đừng sống cùng một năm đến bảy mươi lăm lần và gọi đó là cuộc đời!
5. Tuổi trẻ lại càng cần (...) để thành công, để chinh phục những ước mơ của riêng mình, và hãy tin rằng: “Người sống nhiều nhất không phải người sống lâu năm nhất mà là người có nhiều trải nghiệm phong phú nhất.”

**DẪN CHỨNG:**

Thế giới mênh mông, bên cạnh những “vầng trăng sáng” luôn tồn tại những “đám mây đen”, đó là những người (…). Điều này sẽ khiến họ phải nhận “trái đắng trong cuộc đời”. Cuộc sống của họ sẽ (…)

**LIÊN HỆ BẢN THÂN + RÚT RA BÀI HỌC:**

Thế giới thay đổi khi chúng ta thay đổi. Trong cuốn “Tuổi trẻ đáng giá bao nhiêu?”, nhà văn Rosie Nguyễn đã tâm sự: “Ta chỉ có một cuộc đời để sống, sao không làm những điều thật sự có ý nghĩa với bản thân?”. Câu hỏi trên đã khẳng định, ngay lúc này, mỗi người chúng ta cần/phải/hãy/nên (…) Có như thế, chúng ta mới ươm được những hạt mầm đáng giá để cây đời mình mãi vươn xanh.

**CÁCH TRẢ LỜI ĐỌC HIỂU:**

**CÂU 1: PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT/PHONG CÁCH NGÔN NGỮ/THAO TÁC LẬP LUẬN:**

1. **PHONG CÁCH NGÔN NGỮ:**

**1. PHONG CÁCH NGÔN NGỮ SINH HOẠT:**

**a/ Khái niệm Ngôn ngữ sinh hoạt:**

–  Là lời ăn tiếng nói hằng ngày dùng để trao đổi thông tin, ý nghĩ, tình cảm,…đáp ứng nhu cầu của cuộc sống.

–  Có 2 dạng tồn tại:

+ Dạng nói

+ Dạng viết: nhật kí, thư từ, truyện trò trên mạng xã hội, tin nhắn điện thoại,…

**b/ Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt:**

–  Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt là phong cách được dùng trong giao tiếp sinh hoạt hàng ngày, thuộc hoàn cảnh giao tiếp không mang tính nghi thức. Giao tiếp ở đây thường với tư cách cá nhân nhằm để trao đổi tư tưởng, tình cảm của mình với người thân, bạn bè,…

–   Đặc trưng:

+ Tính cụ thể: Cụ thể về không gian, thời gian, hoàn cảnh giao tiếp, nhân vật giao tiếp, nộii dung và cách thức giao tiếp…

+ Tính cảm xúc: Cảm xúc của người nói thể hiện qua giọng điệu, các trợ từ, thán từ, sử dụng kiểu câu linh hoạt,..

+ Tính cá thể: là những nét riêng về giọng nói, cách nói năng => Qua đó ta có thể thấy được đặc điểm của người nói về giới tính, tuổi tác, tính cách, sở thích, nghề nghiệp,…

Trong đề đọc hiểu, nếu đề bài trích đoạn hội thoại, có lời đối đáp của các nhân vật, hoặc trích đoạn một bức thư, nhật kí, thì chúng ta trả lời văn bản đó thuộc phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.

**2/ PHONG CÁCH NGÔN NGỮ  NGHỆ THUẬT:**

**a/ Ngôn ngữ nghệ thuật:**

– Là ngôn ngữ chủ yếu dùng trong các tác phẩm văn chương, không chỉ có chức năng thông tin mà còn thỏa mãn nhu cầu thẩm mĩ của con người. Nó là ngôn ngữ được tổ chức, sắp xếp, lựa chọn, gọt giũa, tinh luyện từ ngôn ngữ thông thường và đạt được giá trị nghệ thuật – thẩm mĩ.

–  Chức năng của ngôn ngữ nghệ thuật: chức năng thông tin & chức năng thẩm mĩ.

–  Phạm vi sử dụng:

+  Dùng trong văn bản nghệ thuật: Ngôn ngữ tự sự (truyện ngắn, tiểu thuyết, phê bình, hồi kí…); Ngôn ngữ trữ tình (ca dao, vè, thơ…); Ngôn ngữ sân khấu (kịch, chèo, tuồng…)

+  Ngoài ra ngôn ngữ nghệ thuật còn tồn tại trong văn bản chính luận, báo chí, lời nói hằng ngày…

**b/ Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật:**

– Là phong cách được dùng trong sáng tác văn chương

– Đặc trưng:

+ Tính hình tượng:

Xây dựng hình tượng chủ yếu bằng các biện pháp tu từ: ẩn dụ, nhân hóa, so sánh, hoán dụ, điệp…

+ Tính truyền cảm: ngôn ngữ của người nói, người viết có khả năng gây cảm xúc, ấn tượng mạnh với người nghe, người đọc.

+ Tính cá thể: Là dấu ấn riêng của mỗi người, lặp đi lặp lại nhiều lần qua trang viết, tạo thành phong cách nghệ thuật riêng. Tính cá thể hóa của ngôn ngữ còn thể hiện trong lời nói của nhân vật trong tác phẩm.

Như vậy trong đề đọc hiểu, nếu thấy trích đoạn nằm trong một bài thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết, tuỳ bút, ca dao,… và các tác phẩm văn học nói chung thì mình đều trả lời thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thật.

**3/ PHONG CÁCH NGÔN NGỮ CHÍNH LUẬN:**

**a/ Ngôn ngữ chính luận:**

– Là ngôn ngữ dùng trong các văn bản chính luận hoặc lời nói miệng trong các buổi hội nghị, hội thảo, nói chuyện thời sự,… nhằm trình bày, bình luận, đánh giá những sự kiện, những vấn đề về chính trị, xã hội, văn hóa, tư tưởng,…theo một quan điểm chính trị nhất định.

– Có 2 dạng tồn tại: dạng nói & dạng viết.

**b/ Các phương tiện diễn đạt:**

– Về từ ngữ: sử dụng ngôn ngữ thông thường nhưng có khá nhiều từ ngữ chính trị

– Về ngữ pháp: Câu thường có kết cấu chuẩn mực, gần với những phán đoán logic trong một hệ thống lập luận. Liên kết các câu trong văn bản rất chặt chẽ [Vì thế, Do đó, Tuy… nhưng….]

– Về các biện pháp tu từ: sử dụng nhiều biện pháp tu từ để tăng sức hấp dẫn cho lí lẽ, lập luận.

**c/ Đặc trưng phong cách ngôn ngữ chính luận:**

Là phong cách được dùng trong lĩnh vực chính trị xã hội.

– Tính công khai về quan điểm chính trị: Văn bản chính luận phải thể hiện rõ quan điểm của người nói/ viết về những vấn đề thời sự trong cuộc sống, không che giấu, úp mở. Vì vậy, từ ngữ phải được cân nhắc kĩ càng, tránh dùng từ ngữ mơ hồ; câu văn mạch lạc, tránh viết câu phức tạp, nhiều ý gây những cách hiểu sai.

– Tính chặt chẽ trong diễn đạt và suy luận: Văn bản chính luận có hệ thống luận điểm, luận cứ, luận chứng rõ ràng, mạch lạc và sử dụng từ ngữ liên kết rất chặt chẽ: vì thế, bởi vây, do đó, tuy… nhưng…, để, mà,….

– Tính truyền cảm, thuyết phục: Thể hiện ở lí lẽ đưa ra, giọng văn hùng hồn, tha thiết, bộc lộ nhiệt tình của người viết.

Cách nhận biết ngôn ngữ chính luận trong đề đọc hiểu :

-Nội dung liên quan đến những sự kiện, những vấn đề về chính trị, xã hội, văn hóa, tư tưởng,…

-Có quan điểm của người nói/ người viết

-Dùng nhiều từ ngữ chính trị

– Được trích dẫn trong các văn bản chính luận ở SGK hoặc lời lời  phát biểu của các nguyên thủ quốc gia trong  hội nghị, hội thảo, nói chuyện thời sự , …  
**4/ PHONG CÁCH NGÔN NGỮ KHOA HỌC:**

**a/ VB khoa học**

–  VB khoa học gồm 3 loại:

+ VBKH chuyên sâu: dùng để giao tiếp giữa những người làm công việc nghiên cứu trong các ngành khoa học [chuyên khảo, luận án, luận văn, tiểu luận,…]

+ VBKH và giáo khoa: giáo trình, sách giáo khoa, thiết kế bài dạy,… Nội dung được trình bày từ thấp đến cao, dễ đến khó, khái quát đến cụ thể, có lí thuyết và bài tập đi kèm,…

+ VBKH phổ cập: báo, sách phổ biến khoa học kĩ thuật… nhằm phổ biến rộng rãi kiến thức khoa học cho mọi người, không phân biệt trình độ -> viết dễ hiểu, hấp dẫn.

–  Ngôn ngữ KH: là ngôn ngữ được dùng trong giao tiếp thuộc lĩnh vực khoa học, tiêu biểu là các VBKH.

Tồn tại ở 2 dạng: nói [bài giảng, nói chuyện khoa học,…] & viết [giáo án, sách, vở,…]

**b/ Đặc trưng phong cách ngôn ngữ khoa học:**

–  Tính khái quát, trừu tượng :

+ Ngôn ngữ khoa học dùng nhiều thuật ngữ khoa học: từ chuyên môn dùng trong từng ngành khoa học và chỉ dùng để biểu hiện khái niệm khoa học.

+ Kết cấu văn bản: mang tính khái quát (các luận điểm khoa học trình bày từ lớn đến nhỏ, từ cao đến thấp, từ khái quát đến cụ thể)

–  Tính lí trí, logic:

+ Từ ngữ: chỉ dùng với một nghĩa, không dùng các biện pháp tu từ.

+  Câu văn: chặt chẽ, mạch lạc, là 1 đơn vị thông tin, cú pháp chuẩn.

+  Kết cấu văn bản: Câu văn liên kết chặt chẽ và mạch lạc. Cả văn bản thể hiện một lập luận logic.

–  Tính khách quan, phi cá thể:

**+**Câu văn trong văn bản khoa học: có sắc thái trung hoà, ít cảm xúc

**+**Khoa học có tính khái quát cao nên ít có những biểu đạt có tính chất cá nhân

Nhận biết : dựa vào những đặc điểm về nội dung, từ ngữ, câu văn, cách trình bày,…

**5/ PHONG CÁCH NGÔN NGỮ BÁO CHÍ:  
a/ Ngôn ngữ báo chí:**

– Là ngôn ngữ dùng để thông báo tin tức thời sự trong nước và quốc tế, phản ánh chính kiến của tờ báo và dư luận quần chúng, nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của XH. Tồn tại ở 2 dạng: nói [thuyết minh, phỏng vấn miệng trong các buổi phát thanh/ truyền hình…] & viết [ báo viết ]

– Ngôn ngữ báo chí được dùng ở những thể loại tiêu biểu là bản tin, phóng sự, tiểu phẩm,… Ngoài ra còn có quảng cáo, bình luận thời sự, thư bạn đọc,… Mỗi thể loại có yêu cầu riêng về sử dụng ngôn ngữ.

**b/ Các phương tiện diễn đạt:**

–  Về từ vựng: sử dụng các lớp từ rất phong phú, mỗi thể loại có một lớp từ vựng đặc trưng.

–  Về ngữ pháp: Câu văn đa dạng nhưng thường ngắn gọn, sáng sủa, mạch lạc.

–  Về các biện pháp tu từ: Sử dụng nhiều biện pháp tu từ để tăng hiệu quả diễn đạt.

**c/ Đặc trưng của PCNN báo chí:**

–  Tính thông tin thời sự: Thông tin nóng hổi, chính xác về địa điểm, thời gian, nhân vật, sự kiện,…

–  Tính ngắn gọn: Lời văn ngắn gọn nhưng lượng thông tin cao [ bản tin, tin vắn, quảng cáo,…]. Phóng sự thường dài hơn nhưng cũng không quá 3 trang báo và thường có tóm tắt, in đậm đầu bài báo để dẫn dắt.

–  Tính sinh động, hấp dẫn: Các dùng từ, đặt câu, đặt tiêu đề phải kích thích sự tò mò của người đọc.

Nhận biết :

+Văn bản báo chí rất dễ nhận biết khi đề bài trích dẫn một bản tin trên báo, và ghi rõ nguồn bài viết ( ở báo nào? ngày nào?)

+Nhận biết bản tin và phóng sự : có thời gian, sự kiện, nhân vật, những thông tin trong văn bản có tính thời sự

**6/ PHONG CÁCH NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH**

**a/ VB hành chính & Ngôn ngữ hành chính:**

–  VB hành chính là VB đuợc dùng trong giao tiếp thuộc lĩnh vực hành chính. Ðó là giao tiếp giữa Nhà nước với nhân dân, giữa nhân dân với cơ quan Nhà nước, giữa cơ quan với cơ quan, giữa nước này và nước khác trên cơ sở pháp lí [thông tư, nghị định, đơn từ, báo cáo, hóa đơn, hợp đồng…]

–  Ngôn ngữ hành chính là ngôn ngữ được dùng trong các VBHC. Đặc điểm:

+ Cách trình bày: thường có khuôn mẫu nhất định

+ Về từ ngữ: sử dụng lớp từ hành chính với tần số cao

+ Về kiểu câu: câu thường dài, gồm nhiều ý, mỗi ý quan trọng thường được tách ra, xuống dòng, viết hoa đầu dòng.

**b/ Đặc trưng PCNN hành chính:**

–  Tính khuôn mẫu : mỗi văn bản hành chính đều tuân thủ 1 khuôn mẫu nhất định

–  Tính minh xác: Không dùng phép tu từ, lối biểu đạt hàm ý hoặc mơ hồ về nghĩa. Không tùy tiện xóa bỏ, thay đổi, sửa chữa nội dung. Đảm bảo chính xác từng dấu câu, chữ kí, thời gian. Gồm nhiều chương, mục để tiện theo dõi

–  Tính công vụ: Không dùng từ ngữ biểu hiện quan hệ, tình cảm cá nhân [ nếu có cũng chỉ mang tính ước lệ: kính mong, kính gửi, trân trọng cảm ơn,…]. Dùng lớp từ toàn dân, không dùng từ địa phương, khẩu ngữ,…

Ví dụ: Đơn xin nghỉ học, Hợp đồng thuê nhà, ….

Nhận biết văn bản hành chính rất đơn giản : chỉ cần bám sát hai dấu hiệu mở đầu và kết thúc

+Có phần tiêu ngữ ( Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam) ở đầu văn bản

+Có chữ kí hoặc dấu đỏ của các cơ quan chức năng ở cuối văn bản

1. **THAO TÁC LẬP LUẬN:**

**1/ Thao tác lập luận giải thích:**

– Là cắt nghĩa một sự vật, hiện tượng, khái niệm để người khác hiểu rõ, hiểu đúng vấn đề.

– Giải thích trong văn nghị luận là làm cho người đọc hiểu rõ được tư tưởng, đạo lý, phẩm chất, quan hệ cần được giải thích nhằm nâng cao nhận thức, trí tuệ, bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm.

– Cách giải thích: Tìm đủ lý lẽ để giảng giải, cắt nghĩa vấn đề đó. Đặt ra hệ thống câu hỏi để trả lời.

**2/ Thao tác lập luận phân tích:**

– Là cách chia nhỏ đối tượng thành nhiều yếu tố bộ phận để đi sâu xem xét một cách toàn diện về nội dung, hình thức của đối tượng.

– Cách phân tích: Chia tách đối tượng thành nhiều yếu tố bộ phận theo những tiêu chí, quan hệ nhất định.

**3/ Thao tác lập luận chứng minh:**

– Dùng những bằng chứng chân thực, đã được thừa nhận để chứng tỏ đối tượng.

– Cách chứng minh: Xác định vấn đề chứng minh để tìm nguồn dẫn chứng phù hợp. Dẫn chứng phải phong phú, tiêu biểu, toàn diện sát hợp với vấn đề cần chứng minh, sắp xếp dẫn chứng phải logic, chặt chẽ và hợp lý.

**4/ Thao tác lập luận so sánh:**

– Làm sáng tỏ đối tượng đang nghiên cứu trong mối tương quan với đối tượng khác.

– Cách so sánh: Đặt đối tượng vào cùng một bình diện, đánh giá trên cùng một tiêu chí, nêu rõ quan điểm, ý kiến của người viết.

**5/ Thao tác lập luận bình luận:**

– Bình luận là bàn bạc, nhận xét, đánh giá về một vấn đề

– Cách bình luận: Trình bày rõ ràng, trung thực vấn đề được bình luận, đề xuất và chứng tỏ được ý kiến nhận định, đánh giá là xác đáng. Thể hiện rõ chủ kiến của mình.

**6/ Thao tác lập luận bác bỏ:**

– Là cách trao đổi, tranh luận để bác bỏ ý kiến được cho là sai

– Cách bác bỏ: Nêu ý kiến sai trái, sau đó phân tích, bác bỏ, khẳng định ý kiến đúng; nêu từng phần ý kiến sai rồi bác bỏ theo cách cuốn chiếu từng phần.

– Ý nhỏ phải nằm hoàn toàn trong phạm vi của ý lớn.

– Nếu có thể biểu hiện nội dung của các ý bằng những vòng tròn thì ý lớn và mỗi ý nhỏ được chia ra từ đó là hai vòng tròn lồng vào nhau, không được ở ngoài nhau, cũng không được trùng nhau hoặc cắt nhau.

– Mặt khác, các ý nhỏ được chia ra từ một ý lớn, khi hợp lại, phải cho ta một ý niệm tương đối đầy đủ về ý lớn, gần như các số hạng, khi cộng lại phải cho ta tổng số, hay vòng tròn lớn phải được lấp đầy bởi những vòng tròn nhỏ.

– Mối quan hệ giữa những ý nhỏ được chia ra từ cùng một ý lớn hơn phải ngang hàng nhau, không trùng lặp nhau.

**CÂU 2: TRẢ LỜI TỪ VĂN BẢN**

**CÂU 3: BIỆN PHÁP TU TỪ, GỌI TÊN, CHỈ RA, NÊU TÁC DỤNG:**

**CHUNG:** Làm tăng hiệu quả biểu đạt, (tác dụng riêng nếu có), giúp cho câu thơ/câu văn thêm sinh động, gợi hình, biểu cảm, thu hút người đọc.

* **NHÂN HOÁ:**

giúp cho hình ảnh thêm gần gũi

* **ẨN DỤ:**

gợi những liên tưởng sâu sắc

* **LIỆT KÊ:**

giúp cho hình ảnh thơ thêm rõ ràng, cụ thể

* **CÂU HỎI TU TỪ/PHÉP ĐIỆP (ĐIỆP TỪ, ĐIỆP NGỮ, ĐIỆP CẤU TRÚC):**

tạo nhịp điệu, âm hưởng

**CÂU 4: THÔNG ĐIỆP/BÀI HỌC:**

Mỗi một câu chuyện đều mang đến cho người đọc những thông điệp/bài học riêng vô cùng sâu sắc. Với em, khi đọc văn bản này, thông điệp/bài học có ý nghĩa nhất chính là (…)

**CÂU 5: CÓ ĐỒNG Ý KHÔNG? VÌ SAO?**

Đây là một ý kiến/quan điểm/nhận xét đúng. Em đồng ý với ý kiến/quan điểm/nhận xét đó. Vì (…)